

Tên: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

## Công Ôn Ông Bà

Ông bà sinh ra cha mẹ. Trước kia ông bà cũng phải *làm lụng vất vả* để *nuôi nấng* cha mẹ ta ngày nay.

Ông bà thương yêu cháu chẳng khác gì cha mẹ yêu con. Vậy làm con cháu phải kính mến ông bà, cũng như kính mến cha mẹ thì mới phải đạo làm người.

### ❖ Ngữ Vựng(Vocabulary)

#### ÔN, AM, UÔI, ÂT

1. công ơn (merit, good turn): nhớ ơn công khó chăm sóc.
2. làm lụng (to toil): làm việc chăm chỉ.
3. vất vả (laborious, arduously): mệt nhọc, cực khổ.
4. nuôi nấng (to raise children): nuôi và chăm sóc ân cần.
5. chóng lớn (rapid growth): lớn lên sự phát triển mau. Lớn rất lẹ.
6. hớn hờ (merry, very happy): vui vẻ, rất vui mừng.
7. cảm động (feel touching, emotional feel): xúc động, cảm thấy thương cảm, cảm động đến rơi nước mắt.
8. chật vật (hard and difficult life, struggling): đời sống khó khăn. Đời sống không phong phú. Cuộc sống thiếu thốn.
9. trật tự (keep in order): có nề nếp, theo thứ tự.
10. đuối sức (exhausted, worn out, no strength left): kiệt sức, mệt lử, không còn sức lực.

Tên: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

### **Tục Ngữ**

Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ.  
(Out of the mouths of babes)

### **Học Thuộc Lòng**

Em kính yêu nhất ông bà.  
Mỗi sáng thức dậy pha trà mời ông.  
Cả nhà trên dưới một lòng.  
Vâng lời dạy bảo, nhớ công sinh thành.

### **Đố Vui**

Đố các em là con gì ?  
Cái mỏ xinh xinh.  
Hai chân tí xíu.  
Lông vàng mát rượi.  
Chiếp chiếp suốt ngày.

Câu trả lời : \_\_\_\_\_

Tên: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

## **Bài Tập**

❖ **Câu Hỏi:** Em hãy trả lời những câu hỏi sau đây:

1. Ai sinh ra cha mẹ ?

\_\_\_\_\_

2. Ông bà vất vả nuôi ai?

\_\_\_\_\_

3. Ông bà có yêu cháu không?

\_\_\_\_\_

4. Bồn phận cháu đối với ông bà như thế nào?

\_\_\_\_\_

5. Em ở chung nhà với ông bà nội hay ông bà ngoại?

\_\_\_\_\_

❖ **Tập Làm Văn:** Các em hãy đặt câu với các từ ngữ sau đây:

1. công ơn

\_\_\_\_\_

2. làm lụng

\_\_\_\_\_

3. vất vả

\_\_\_\_\_

Tên: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

4. nuôi nấng

---

❖ **Các em hãy chọn đúng chữ thích hợp cho những câu sau đây:**

❖ **Filling Blank: pick the words on the list below to complete sentences.**

làm lung, đuôi súc, cảm động, Việt Nam, chât vật, trật tự, hớn hỏ, chóng lớn, Dòng suối,

1. Người ta nói đất nước \_\_\_\_\_ được thiên nhiên ưu đãi.
2. Ngày Xuân, ai cũng chúc trẻ em “ăn nhiều, \_\_\_\_\_”.
3. Tuần qua, ngoài rạp chiếu phim Đại Hàn có nhiều đoạn rất \_\_\_\_\_.
4. Đời sống \_\_\_\_\_ khiến con người phải đấu tranh triền miên.
5. \_\_\_\_\_ chảy róc rách cạnh đường mòn lên núi.
6. Hồi chiều Minh \_\_\_\_\_ khoe điểm cao với mẹ.
7. Nhà nông \_\_\_\_\_ quanh năm và chỉ nghỉ ngơi dịp Tết thôi.
8. Chạy xa \_\_\_\_\_ nên Tâm không thể chạm mức đến được.